

Mục 4

XỬ LÝ ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT KHÔNG BẢO ĐẢM YÊU CẦU VỆ SINH THÚ Y

Điều 10. Nguyên tắc xử lý đối với động vật, sản phẩm động vật không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y

1. Việc xử lý vệ sinh thú y đối với động vật, sản phẩm động vật phải thực hiện ngay và được cơ quan thú y, nhân viên thú y hướng dẫn, giám sát, kiểm tra.
2. Những người trực tiếp thực hiện xử lý động vật mắc bệnh, sản phẩm động vật mang mầm bệnh nguy hiểm phải được trang bị bảo hộ lao động.
3. Địa điểm xử lý vệ sinh thú y phải được cơ quan có thẩm quyền cho phép.
4. Địa điểm, trang thiết bị, dụng cụ xử lý đối với động vật, sản phẩm động vật không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y phải được vệ sinh, khử trùng sau mỗi lần xử lý.
5. Chủ động vật phải chịu mọi chi phí trong thời gian nuôi cách ly, theo dõi; chủ lô hàng sản phẩm động vật phải chịu mọi chi phí bảo quản sản phẩm động vật đến khi có kết luận của cơ quan thú y.

Điều 11. Quy trình xử lý động vật, sản phẩm động vật không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y

Khi phát hiện động vật, sản phẩm động vật không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, cơ quan thú y có thẩm quyền, nhân viên thú y thực hiện như sau:

1. Cách ly động vật ở khu vực riêng;
2. Lập biên bản ghi nhận tình trạng vệ sinh thú y của động vật, sản phẩm động vật theo Mẫu số 04 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này; yêu cầu chủ cơ sở, chủ lô hàng thực hiện các biện pháp xử lý vệ sinh thú y để bảo đảm an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm và giảm thiểu ô nhiễm môi trường;
3. Lấy mẫu động vật, sản phẩm động vật gửi phòng thử nghiệm trong trường hợp cần thiết để kiểm tra chỉ tiêu vi sinh vật và tồn dư thuốc thú y, chất cấm, mầm bệnh theo Mẫu số 03 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;
4. Lập biên bản xử lý vệ sinh thú y động vật, sản phẩm động vật không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y theo Mẫu số 05 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;
5. Thông báo cho chủ cơ sở, chủ lô hàng và các cơ quan liên quan về kết quả xử lý và các yêu cầu đối với động vật, sản phẩm động vật được phép sử dụng sau khi xử lý;
6. Hướng dẫn, giám sát, kiểm tra việc thực hiện xử lý vệ sinh thú y.

Điều 12. Quy định về xử lý đối với động vật không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y tại cơ sở giết mổ

1. Các biện pháp xử lý bao gồm: Tạm dừng giết mổ; giết mổ ở khu vực riêng; giết mổ bắt buộc, tiêu hủy bắt buộc hoặc chuyển mục đích sử dụng.

2. Động vật không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y được xử lý theo hướng dẫn tại mục 1 của Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Cục Thú y hướng dẫn biện pháp xử lý bắt buộc đối với động vật mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới.

Điều 13. Quy định về xử lý đối với sản phẩm động vật không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y

1. Các biện pháp xử lý bao gồm: Tiêu hủy; xử lý nhiệt; xử lý cơ học; chuyển mục đích sử dụng.

2. Hướng dẫn xử lý đối với sản phẩm động vật không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y tại cơ sở giết mổ như sau:

a) Sản phẩm động vật mang mầm bệnh truyền nhiễm phát hiện trong quá trình giết mổ xử lý theo hướng dẫn tại mục 2 của Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Sản phẩm động vật không bảo đảm yêu cầu về cảm quan xử lý theo hướng dẫn tại mục 3 của Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Sản phẩm động vật ô nhiễm vi sinh vật không được phép có hoặc vượt quá mức giới hạn cho phép xử lý theo hướng dẫn tại mục 4 của Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Sản phẩm động vật không bảo đảm yêu cầu về các chỉ tiêu tồn dư thuốc kháng sinh hoặc phát hiện tồn dư chất cấm, chất độc xử lý theo hướng dẫn tại mục 5 của Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này;

đ) Sản phẩm động vật mang ký sinh trùng, áu trùng của ký sinh trùng xử lý theo hướng dẫn tại mục 6 của Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ DẤU KIỂM SOÁT GIẾT MỔ, TEM VỆ SINH THÚ Y

Mục 1

MẪU DẤU KIỂM SOÁT GIẾT MỔ SỬ DỤNG TẠI CƠ SỞ GIẾT MỔ ĐỘNG VẬT XUẤT KHẨU

Điều 14. Mẫu dấu kiểm soát giết mổ đóng trên thân thịt gia súc để xuất khẩu

1. Dấu hình tròn, có kích thước: Đường kính vòng ngoài 40 mm, đường kính vòng trong 25 mm, ở giữa có đường phân cách đi qua tâm đường tròn chia đôi dấu thành hai phần bằng nhau. Đường tròn ngoài, đường tròn trong và đường kẻ ngang của dấu có bề rộng là 1 mm.

2. Khoảng cách giữa đường tròn trong và đường tròn ngoài của dấu:

a) Phía trên khắc chữ “K. S. G. M. X. K” (viết tắt của cụm từ kiểm soát giết mổ xuất khẩu), chiều cao của chữ là 4 mm, bề rộng của nét chữ là 1 mm;

b) Phía dưới khắc chữ “CỤC THÚ Y”, chiều cao của chữ là 4 mm, bề rộng của nét chữ là 1 mm.

3. Hình tròn phía trong của dấu khắc mã số của cơ sở giết mổ theo quy định sau:

- a) Phía trên khắc mã hiệu của cơ quan quản lý cơ sở giết mổ theo ký tự A hoặc B, C, ..., chiều cao của chữ là 10 mm, bề rộng của nét chữ là 2 mm;
- b) Phía dưới khắc số hiệu của cơ sở giết mổ theo số thứ tự 1 hoặc 2, 3, ..., chiều cao của chữ số là 10 mm, bề rộng của nét số là 2 mm.

4. Mẫu dấu theo hướng dẫn như Hình 1 của Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 15. Mẫu dấu kiểm soát giết mổ đóng trên thân thịt gia cầm để xuất khẩu

1. Dấu hình tròn có kích thước: Đường kính vòng ngoài 30 mm, đường kính vòng trong 20 mm, ở giữa có đường phân cách đi qua tâm đường tròn chia đôi dấu thành hai phần bằng nhau; đường tròn ngoài, đường tròn trong và đường kẻ ngang của dấu có bề rộng là 0,5 mm.

2. Vòng tròn ngoài của dấu:

- a) Phía trên khắc chữ “K. S. G. M. X. K” (viết tắt của cụm từ kiểm soát giết mổ xuất khẩu), chiều cao của chữ là 3 mm, bề rộng của nét chữ là 1 mm;
- b) Phía dưới khắc chữ “CỤC THÚ Y”, chiều cao của chữ là 3 mm, bề rộng của nét chữ là 1 mm.

3. Hình tròn phía trong của dấu:

- a) Phía trên khắc mã số của cơ quan quản lý theo ký tự A hoặc B, C, ..., chiều cao của chữ là 5 mm, bề rộng của nét chữ là 1,5 mm;
- b) Phía dưới khắc mã số của cơ sở giết mổ theo số thứ tự 1 hoặc 2, 3, ..., chiều cao của chữ số là 5 mm, bề rộng của nét số là 1,5 mm.

4. Mẫu dấu theo hướng dẫn như Hình 2 của Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 16. Mẫu dấu kiểm soát giết mổ đóng trên thân thịt gia súc để tiêu thụ nội địa

1. Dấu hình chữ nhật, có kích thước: Dài 80 mm, rộng 50 mm, các đường thẳng có bề rộng 1 mm.

2. Dấu được chia thành 3 phần theo chiều dài: Phần trên và phần dưới rộng 13mm, phần giữa rộng 20 mm (không tính đường kẻ).

3. Dọc theo chiều dài ở phía trên của dấu khắc chữ “CỤC THÚ Y”, chiều cao của chữ là 8 mm, bề rộng của nét chữ là 1,5 mm.

4. Ở giữa dấu khắc chữ “NỘI ĐỊA”, chiều cao của chữ là 12 mm, bề rộng của nét chữ là 2 mm.

5. Dọc theo chiều dài ở phía dưới của dấu khắc mã số của cơ sở giết mổ, chiều cao của chữ và số là 8 mm, bề rộng của nét chữ và số là 1,5 mm.

sinh thü y

1. Dáu hinch ó van, có kích thước: Vòng ngoài có bê rỗng 40 mm, chieu cao

**Díeu 19. Mäu dáu dùng dê dòng tren than thiit giia cám phai xu ly vê
Thöng tu nay.**

4. Mäu dáu theo huong dán nhu Hinch 5 của Phu lúc IV ban hanh kem theo
chit la 2 mm.

3. Hinch ó van phia trong của dáu khac chit "XU LY V.S.T.Y" (viet tat
cua cum tu xu ly vê sinh thü y), chieu cao cua chit la 8 mm, bê rỗng cua net

b) Phia duoi khac ma so cua co so giet mo, chieu cao cua chit va so la
4mm, bê rỗng cua net chit va so la 1 mm;

a) Phia tren khac chit "CUC THU Y", chieu cao cua chit la 4 mm, bê rỗng
cua net chit la 1 mm;

2. Khoang cach gitia duong ó van tong va duong ó van ngoal cua dáu
c) Duong ó van ngoal co bê rỗng la 1 mm.

b) Vòng tong co bê rỗng 60 mm, chieu cao 30 mm;

a) Vòng ngoal co bê rỗng 80 mm, chieu cao 50 mm;

1. Dáu hinch ó van, có kích thước:

sinh thü y

Díeu 18. Mäu dáu dùng dê dòng tren than thiit giia suc phai xu ly vê

khau, nhung bao dam yeu cau ve sinh thü y de tieu thu nöi dia.
Thöng tu nay: Dáu duoc dùng doi voi than thiit giia cám khong su dùng de xuat

6. Mäu dáu theo huong dán nhu Hinch 4 của Phu lúc IV ban hanh kem theo
chieu cao cua chit va so la 3 mm, bê rỗng cua net chit va so la 0,5 mm.

5. Doc theo chieu dai phan duoi cua dáu khac ma so cua co so giet mo,
chia net chit la 1 mm.

4. O gitia dáu khac chit "NÖI DIA", chieu cao cua chit la 6 mm, bê rỗng
cao cua chit la 3 mm, bê rỗng cua net chit la 0,5 mm.

3. Doc theo chieu dai phan tren cua dáu khac chit "CUC THU Y", chieu
7,5mm, phan gitia rỗng 10 mm (khong ke duong ke).

2. Dáu duoc chia thanh 3 phan theo chieu dai: Phan tren va phan duoi rỗng
than co bê rỗng 0,5 mm.

1. Dáu hinch chit nhét, có kích thước: Dai 40 mm, rỗng 27 mm, các duong
tieu thu nöi dia

Díeu 17. Mäu dáu kiêm saat giet mo dòng tren than thiit giia cám de

khau, nhung bao dam yeu cau ve sinh thü y de tieu thu nöi dia.
Thöng tu nay: Dáu duoc dùng doi voi than thiit giia suc phai xu dùng de xuat

6. Mäu dáu theo huong dán nhu Hinch 3 của Phu lúc IV ban hanh kem theo

30 mm; vòng trong có bề rộng 28 mm, chiều cao 18 mm; đường ô van ngoài và đường ô van trong có bề rộng là 0,5 mm.

2. Khoảng cách giữa đường ô van trong và đường ô van ngoài của dấu:

a) Phía trên khắc chữ “**CỤC THÚ Y**”, chiều cao của chữ là 3,5 mm, bề rộng của nét chữ là 1 mm;

b) Phía dưới khắc mã số của cơ sở giết mổ, chiều cao của chữ và số là 3,5 mm, bề rộng của nét chữ và số là 1 mm.

3. Hình ô van phía trong của dấu khắc chữ “**XỬ LÝ V.S.T.Y**” (viết tắt của cụm từ xử lý vệ sinh thú y), chiều cao của chữ là 5 mm, bề rộng của nét chữ là 1 mm.

4. Mẫu dấu theo hướng dẫn như Hình 6 của Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 20. Mẫu dấu dùng để đóng trên thân thịt gia súc phải tiêu hủy

1. Dấu hình tam giác đều được chia thành 3 phần, kích thước mỗi cạnh của tam giác là 80 mm, các đường thẳng có bề rộng là 1 mm.

2. Phần đỉnh của dấu có đường cao là 30 mm (không tính đường kẻ), khắc mã số của cơ sở giết mổ, chiều cao của chữ và số là 8 mm, bề rộng của nét chữ và số là 1,5 mm.

3. Phần giữa của dấu có đường cao là 22 mm (không tính đường kẻ), khắc chữ “**HỦY**”, chiều cao của chữ là 12 mm, bề rộng của nét chữ là 2 mm.

4. Phần đáy của dấu có đường cao là 15 mm (không tính đường kẻ), khắc chữ “**CỤC THÚ Y**”, chiều cao của chữ là 8 mm, bề rộng của nét chữ là 1,5 mm.

5. Mẫu dấu theo hướng dẫn như Hình 7 của Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 21. Mẫu dấu dùng để đóng trên thân thịt gia cầm phải tiêu hủy

1. Dấu có hình tam giác đều được chia thành 3 phần, kích thước mỗi cạnh của tam giác là 40 mm, các đường thẳng có bề rộng là 1 mm.

2. Phần đỉnh của dấu có đường cao là 16 mm (không tính đường kẻ), khắc mã số của cơ sở giết mổ, chiều cao của chữ và số là 3 mm, bề rộng của nét chữ và số là 0,5 mm.

3. Phần giữa của dấu có đường cao là 10 mm (không tính đường kẻ), khắc chữ “**HỦY**”, chiều cao của chữ là 7 mm, bề rộng của nét chữ là 1,5 mm.

4. Phần đáy của dấu có đường cao là 7,5 mm (không tính đường kẻ), khắc chữ “**CỤC THÚ Y**”, chiều cao của chữ là 3 mm, bề rộng của nét chữ là 0,5 mm.

5. Mẫu dấu theo hướng dẫn như Hình 8 của Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.